

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2024/HS-PT

Ngày: 06/02/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Yến và bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1255/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị Thanh N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Lê Thị L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn N, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân P và bà Nguyễn Thị C; có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Thanh N (tên gọi khác: Nguyễn Thị Thanh N1), sinh năm 1972; nơi ĐKKHKT: Số B T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: Số A ngõ A Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đ2; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị S; có chồng (đã chết) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 17/3/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị L:* Luật sư Vũ Thị Kiều A – Công ty L7, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh N: Luật sư Bùi Đình Ú và Luật sư Bùi Tuấn A1 – Văn phòng luật sư Bùi Đình Ú, Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại: Ông Nguyễn Đình L1 (người đại diện: Bà Lưu Thị L2), ông Phạm Văn T (người đại diện: Bà Mai Thị V), bà Vũ Thị L3 (người đại diện: Anh Vũ Đình L4), anh Phạm Văn T1 (người đại diện: Chị Trần Thị T2) không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5/2021, Công ty TNHH C3, địa chỉ: K, Quốc lộ E, xã C, huyện C phát hiện bị mất nhiều linh kiện sản xuất xe nâng có giá trị lớn nên làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H. Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Đình L1 (sinh năm 1958, trú tại: thôn M, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương); Phạm Văn T (sinh năm 1965, trú tại: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương); Vũ Thị L3 (sinh năm 1969, trú tại: thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương) là bảo vệ làm việc tại Công ty TNHH C3 đã cùng Phạm Văn T1 (sinh năm 1981, trú tại: thôn M, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương) thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Những người này lo sợ bị xử lý hình sự nên đã tìm người lo “chạy án” để không bị xử lý hình sự. Thông qua anh Nguyễn Văn T3 (tức Đ1, sinh năm 1970, trú tại: thôn Đ, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên) và anh Lê Văn H (sinh năm 1974, trú tại: thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương), ông Nguyễn Đình L1 đã liên hệ, đặt vấn đề với Lê Thị L nhờ “chạy án”, sau đó ông Phạm Văn T, bà Vũ Thị L3 và anh Phạm Văn T1 cũng liên hệ đặt vấn đề với L nhờ “chạy án” để không bị xử lý hình sự. Lan nhận lời và sử dụng số điện thoại 0945662886 và ứng dụng zalo được đăng ký bằng số điện thoại 0945662886 có tên hiển thị là “Trang Ninh” nhiều lần liên lạc với Nguyễn Thị Thanh N (tức N1) là bạn đi lễ cùng L có số điện thoại 0813822222, ứng dụng zalo của N được đăng ký bằng số điện thoại này có tên hiển thị là “Nhan Ao Cuoi” hoặc số điện thoại 0839956969 (là số hotline của Nhà hàng Bát Trân của N ở địa chỉ A N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội), nhờ N “chạy án”. N đồng ý và trao đổi thông tin mình có mối quan hệ rộng, quen biết nhiều người có chức vụ cao và bảo L để hỏi “các anh” sẽ trả lời sau. Sau đó vài ngày, N điện thoại cho L thông báo về việc có thể tác động đến các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Hải Dương lo “chạy” cho những người này không bị xử lý về hình sự nhưng chưa nói gì liên quan đến số tiền phải chi phí. Sau khi nhận thông tin từ N, L trao đổi lại với ông L1, ông T, anh T1, bà L3 về việc đồng ý nhận “chạy án” cho những người này và yêu cầu mỗi người chuẩn bị 1.000.000.000 đồng để khi cần sử dụng thì đưa cho N, L cam kết nếu không lo được trắng án thì sẽ trả lại tiền, cả bốn người đồng ý. Sau đó, N gọi điện thoại bảo L thông báo cho 04 người về việc ứng tiền để N mua quà biếu gồm rượu ngoại và xì gà. L đến nhà anh H gặp ông L1, ông T, anh T1, bà L3, tại đây L gọi điện hỏi N thì N nói chuẩn bị 05 hoặc 07 suất quà đồng thời cho số điện thoại của chị Phạm Thị Thu H1 (sinh năm 1995, trú tại: Số B H, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương) là thu ngân

tại nhà hàng B của N. N giới thiệu với L, chị H1 là chủ cửa hàng bán rượu ngoại, xì gà nơi N thường mua hàng. Ngày 05/6/2021, tại nhà ở của N ở số A, Ngõ A Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, N dẫn chị H1 khi có người tên L gọi điện thoại đặt mua rượu ngoại và xì gà thì H1 nhận là có hàng bán và cho số tài khoản để L chuyển tiền, H1 đồng ý. Sau khi gọi điện thoại cho N thì L nhận của ông L1, ông T, anh T1, bà L3 mỗi người 50.000.000 đồng và nói số tiền đã nhận là tiền quà nên không tính vào tiền “chạy án”, nếu không lo được thì phải chịu mất số tiền này. Cùng ngày 05/6/2021, L đến ngân hàng V1 – Phòng G tại Khu công nghiệp P, huyện C nộp số tiền 95.000.000 đồng đã nhận của mọi người vào tài khoản V1 số 1021000004803 của mình, L gọi điện thoại cho chị Phạm Thị Thu H1 đặt mua rượu ngoại, xì gà hết số tiền 93.000.000 đồng. Cùng ngày L chuyển số tiền này từ tài khoản của mình đến tài khoản ngân hàng M số 9996929399999 của chị Phạm Thị Thu H1. Sau khi nhận tiền, chị H1 đã chuyển 93.000.000 đồng đến tài khoản số 12221096680017 mang tên Nguyễn Thị Thanh N1 mở tại Ngân hàng T5.

Ngày 05/6/2021, tại nhà ở của ông L1 ở thôn M, xã L, huyện C, ông T đưa cho L 500.000.000 đồng, bà L3 và con trai là anh Vũ Đình L4 (*sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương*) đưa cho L 500.000.000 đồng, L viết giấy xác nhận có nội dung đã nhận tiền lo “chạy trắng án” cho ông T và bà L3. Đến ngày 07/6/2021, L tiếp tục đến nhà ông L1, tại đây ông L1 cùng con trai là anh Nguyễn Đình H2 (*sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương*) đưa cho L 500.000.000 đồng; bà Vũ Thị L3 cùng con trai Vũ Đình L4 đưa cho L 500.000.000 đồng; ông Phạm Văn T đưa cho L 500.000.000 đồng. L viết giấy xác nhận đã nhận 500.000.000 đồng để “chạy trắng án” cho ông L1 và viết giấy xác nhận đã nhận của ông T, bà L3 mỗi người 1.000.000.000 đồng để lo “chạy trắng án” và thu lại giấy xác nhận cũ đã viết cho ông T, bà L3. Cũng trong ngày 07/6/2021, tại nhà ông L1, anh T1 cùng vợ là chị Trần Thị T2 (*sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương*) đưa cho L 1.000.000.000 đồng. L viết giấy xác nhận đã nhận tiền “chạy trắng án” cho anh T1. Sau đó, anh T1 đi cùng L đến Ngân hàng V1 – Phòng G, tại đây L nộp số tiền 3.000.000.000 đồng vào tài khoản V1 số 1021000004803 của mình. Ngày 08/6/2021, N tiếp tục gọi cho L yêu cầu phải mua thêm quà biếu nên L liên hệ với chị Phạm Thị Thu H1 đặt mua rượu ngoại, xì gà và chuyển khoản 57.500.000 đồng từ tài khoản của mình vào tài khoản Ngân hàng M số 9996929399999 của chị H1. Sau khi nhận tiền, chị H1 đã chuyển cho N 56.000.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng N cho chị H1 để chi tiêu cá nhân.

Mấy ngày sau, L gọi điện thông báo cho ông L1, Tru, bà L3, anh T1 số tiền đã nhận không đủ để lo “chạy án” và yêu cầu mỗi người chuẩn bị thêm 200.000.000 đồng. Số tiền này do L tự ý đưa ra để khi N yêu cầu đưa thêm tiền thì có tiền đưa luôn. Ngày 13/6/2021, anh Phạm Văn T1 chuyển đến số tài khoản trên của L 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, L gọi điện cho N thông báo đã nhận tiền của ông L1, ông T, anh T1, bà L3 tổng số tiền 3.500.000.000 đồng, không thông báo đã nhận số tiền 200.000.000 đồng của anh T1 ngày 13/6/2021 và bảo chuyển tiền cho N để lo “chạy trắng án” cho 04 người, N đồng ý. Ngày

21/6/2021, L nhờ chồng là anh Vũ Xuân N2 chuyển đến tài khoản của mình số tiền 100.000.000 đồng, đòi nợ anh Nguyễn Văn T3 (tức Đ1) trả nợ số tiền 400.000.000 đồng chuyển vào tài khoản. Cùng ngày, L đến Ngân hàng V1 tại Hà Nội (L không nhớ địa chỉ) chuyển số tiền 3.000.000.000 đồng từ tài khoản V1 số 1021000004803 của mình đến tài khoản T5 số 12221096680017 của N (tài khoản đăng ký tên Nguyễn Thị Thanh N1) và ghi nội dung là *chuyển tiền đặt cọc mua đất* theo yêu cầu của N, đồng thời rút số tiền 500.000.000 đồng mang đến đặt lên điện thờ trong nhà N. Tiếp đó ngày 22/6/2021, L đến nhà ông T nhận của ông T số tiền 100.000.000 đồng và đến nhà ông L1 nhận của ông L1 và bà L3 mỗi người 100.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận. Sau khi nhận tiền, L giữ lại chi tiêu cá nhân không thông báo cho N biết.

Ngày 27/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H khởi tố vụ án hình sự về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự xảy ra tại Công ty TNHH C3. Ngày 30/7/2021, N gọi điện thoại, nhắn tin trao đổi với L là không thể lo “trắng án” được, đến 26/8/2021 thì N trao đổi với L nếu mọi người đồng ý “chạy án” để được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo thì N tiếp tục giúp đỡ, nếu không đồng ý thì N sẽ trả lại tiền cho L. Nghe vậy, L đến gặp ông L1, ông T, anh T1, bà L3 trao đổi lại thông tin do N đưa ra và gọi điện cho N bằng ứng dụng zalo để cho ông L1, ông T, anh T1 và bà L3 nói chuyện với N, sau đó cả 04 người đồng ý nhờ N lo cho được hưởng án treo, N cũng hứa hẹn sẽ trả lại tiền nếu chi phí còn thừa.

Đến tháng 09/2021, ông L1, ông T, anh T1, bà L3 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H khởi tố, bắt tạm giam về hành vi Trộm cắp tài sản nên gia đình những người này đặt vấn đề với L xin cho ông L1, ông T, anh T1, bà L3 được tại ngoại trong quá trình điều tra thì L yêu cầu gia đình ông T và bà L3 nộp thêm mỗi nhà 100.000.000 đồng cho bằng với số tiền L đã nhận của nhà anh T1, riêng gia đình ông L1 thì L không yêu cầu vì biết không còn khả năng kinh tế. Ngày 27/9/2021, bà Mai Thị V (*sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương*) là vợ ông T nhờ anh Phạm Văn T4 (*sinh năm 1975, trú tại: số D L, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương - là em trai của ông T*) chuyển số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V1 số 0341006800010 của anh T4 đến tài khoản Ngân hàng V1 số 0341007221382 của anh Vũ Đình L4 (con trai bà L3) để chuyển vào tài khoản của L. Ngày 27/9/2021, anh L4 chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản V1 của L (trong đó có 100.000.000 đồng của gia đình bà L3 và 100.000.000 đồng của gia đình ông T). Sau khi nhận tiền, L gọi cho N để nhờ xin tại ngoại cho các bị can nhưng N nói tình hình căng thẳng, khó khăn nên L chủ động đề nghị chuyển tiếp cho N 300.000.000 đồng để N lo tại ngoại cho 04 người, N đồng ý. Cùng ngày 27/9/2021, L chuyển 300.000.000 đồng triệu đồng đến tài khoản T5 của N. Số tiền 400.000.000 triệu đồng còn lại, L sử dụng chi phí đi lại, chi tiêu cá nhân. Sau đó, N yêu cầu L thông báo cho người thân của 04 người viết đơn xin khắc phục hậu quả và đơn xin bảo lãnh để N xin cho 04 người được tại ngoại, riêng chị Trần Thị T2 là vợ anh Phạm Văn T1 thấy L có dấu hiệu gian dối chiếm đoạt tài sản nên không đồng ý tiếp tục nhờ “chạy án” cho anh T1 mà nhờ Luật sư Đinh Ngọc P1 và Luật sư Đặng Ngọc K – Văn phòng Luật sư Tâm Đức

P2, Đoàn Luật sư tỉnh H tư vấn pháp luật. Ngày 29/9/2021, chị T2 cùng Luật sư P1 và Luật sư K đến nhà L yêu cầu L trả tiền, L đã viết giấy biên nhận hẹn chiều ngày 01/10/2021 sẽ trả tiền cho chị T2. Để trấn an các gia đình còn lại không đòi lại tiền và tố cáo mình, N nhiều lần sử dụng số điện thoại số 0839956969 gọi điện thoại cho anh Vũ Đình L4 hứa hẹn việc sẽ lo cho 04 người được tại ngoại. Đến tháng 11/2021, N tiếp tục gọi điện thông báo cho anh L4 về việc Giám đốc Công an tỉnh H đi công tác nước ngoài phải cách ly 02 tuần xong thì người nhà sẽ được tại ngoại. Khoảng 01 tuần sau, N gọi điện cho L thông báo không thể lo được án treo mà chỉ có thể lo được mức án thấp nhất nhưng các gia đình không đồng ý và đòi lại tiền. Quá trình nói chuyện với N, anh L4 đã dùng điện thoại của mình ghi âm lại các cuộc nói chuyện. Ngày 10/11/2021, chị Trần Thị T2 có đơn tố cáo hành vi của L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H.

Sau khi nhận tiền, N không liên hệ với người có chức vụ, quyền hạn để lo việc cho các ông L1, ông T, bà L3 và anh T1 như đã hứa hẹn mà dùng để chi tiêu cá nhân. Sau khi không thực hiện cam kết, do nhiều lần bị L đòi tiền, sợ bị tố cáo nên ngày 15/12/2021, N chuyển khoản 800.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng V1 số 1021000004803 của L để L trả lại cho gia đình ông L1, ông T, bà L3 và anh T1. Đến nay, Lê Thị L đã trả lại gia đình bà L3 410.000.000 đồng, trả gia đình ông T 400.000.000 đồng, trả gia đình anh T1 800.000.000 đồng, trả gia đình ông L1 600.000.000 đồng.

Việc thu thập vật chứng, tài liệu và kết quả giám định, khôi phục dữ liệu điện tử thể hiện:

Ngày 21/11/2021, chị Trần Thị T2 giao nộp: 01 bản phô tô giấy biên nhận ngày 07/6/2021 nội dung L và T1 thỏa thuận L chạy trắng án cho T1 với số tiền 1.500.000.000 đồng, nay nhận trước số tiền 1.000.000.000 đồng, người giao là Phạm Văn T1, người nhận là Lê Thị L; 01 biên lai phiếu yêu cầu dịch vụ (liên 2) của Ngân hàng M1 ngày 13/6/2021, nội dung: Phạm Văn T1 chuyển số tiền 200.000.000 đồng cho Lê Thị L số tài khoản/số thẻ 1021000004803 Ngân hàng V1; 01 bản chính Giấy biên nhận ngày 13/6/2021 nội dung L nhận thêm của T1 200.000.000 đồng để lo công việc cho T1, có chữ ký và đề tên Lê Thị L; 01 bản chính Giấy biên nhận đề ngày 29/9/2021 nội dung L đã nhận tổng số tiền 1.200.000.000 đồng của anh T1, hẹn trả chị T2, anh T1 vào chiều ngày 01/10/2021, có chữ ký và đề tên Lê Thị L.

Ngày 22/8/2022, ngày 28/8/2022 và ngày 27/9/2023, anh Vũ Đình L4 giao nộp: 01 bản phô tô giấy biên nhận ngày 06/6/2021, nội dung L và bà L3 thỏa thuận L chạy trắng án cho bà L3 với số tiền 1.000.000.000 đồng, nếu không được việc thì L phải trả lại số tiền đã nhận. Ngày 06/6/2021 bà L3 đưa trước cho L 500.000.000 đồng, người giao là Vũ Thị L3, người nhận là Lê Thị L. Sau đó tại mặt sau của giấy biên nhận có nội dung: ngày 07/6/2021 L nhận thêm 500.000.000 đồng, ngày 11/6/2021 L nhận tiền lần thứ 3 của bà L3 100.000.000 đồng, tổng cộng 03 lần là 1.100.000.000 đồng, có chữ ký đứng tên Lê Thị L; 01 bản chính tờ giấy nhãn hiệu Klong ghi tiêu đề nhận tiền đề ngày 07/6/2021 nội dung Lê Thị L thỏa thuận nhận số tiền 1.100.000.000 đồng của bà Vũ Thị L3 để lo công việc cho

bà L3 có chữ ký của Lê Thị L; 01 USB nhãn hiệu KINGSTON vỏ màu đen, trên thân USB có in ký hiệu “DT101G2 16GB”.

Ngày 28/12/2021, Lê Thị L giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S; 01 giấy nhận tiền ghi ngày 22/6/2021, nội dung thể hiện việc Lê Thị L nhận số tiền 600.000.000 đồng của ông Nguyễn Đình L1, phần cuối tờ giấy thể hiện ngày 24/3/2022 bà Lưu Thị L2 nhận lại số tiền 600.000.000 đồng, có chữ ký của Lê Thị L.

Ngày 30/6/2022, 17/3/2023, Nguyễn Thị Thanh N (tức N1) giao nộp: 01 bản gốc giấy nhận tiền ghi ngày 22/6/2021, nội dung thể hiện Lê Thị L nhận lại số tiền 3.000.000.000 đồng của Nguyễn Thị Thanh N1, ký tên người nhận là Lê Thị L, người giao là Nguyễn Thị Thanh N1, người làm chứng là Lương Thị Ngọc L5; 01 bản gốc giấy nhận tiền ghi ngày 28/9/2021, nội dung thể hiện Lê Thị L nhận lại số tiền 300.000.000 đồng của Nguyễn Thị Thanh N1, ký tên người nhận là Lê Thị L, người giao là Nguyễn Thị Thanh N1, người làm chứng là Lương Thị Ngọc L5; 01 giấy vay tiền ghi ngày 27/4/2022, nội dung thể hiện Lê Thị L vay số tiền 130.000.000 đồng, có chữ ký người giao tiền là Nguyễn Thị Thanh N, có chữ viết chữ ký ghi tên người vay là Lê Thị L (bản gốc); 01 bản phô tô giấy vay tiền ghi ngày 27/4/2022, nội dung thể hiện việc Lê Thị L vay Nhân số tiền 20.000.000 đồng, có chữ ký, chữ viết ghi tên người vay là Lê Thị L.

Ngày 11/12/2022, bà Mai Thị V giao nộp 01 bản phô tô giấy nhận tiền ghi ngày 07/6/2021, nội dung Lê Thị L nhận của ông Phạm Văn T số tiền 1.100.000.000 đồng để lo việc cho ông T trong thời gian làm bảo vệ tại Công ty C4, nếu không lo được như thỏa thuận thì phải trả lại số tiền đã nhận. Bản chính L đã thu lại và đã làm mất nên không thu được.

Tại Kết luận giám định số 34 ngày 25/3/2022, Phòng K1 Công an tỉnh H xác định: Chữ viết, chữ số, chữ ký đúng tên người nhận Lê Thị L trên các Giấy biên nhận ngày 13/6/2021, 29/9/2021 do chị Trần Thị T2 giao nộp là của Lê Thị L.

Tại Kết luận giám định số 7461 ngày 01/3/2023, V2 Bộ C5 giám định 03 file ghi âm do anh Vũ Đình L4 giao nộp, xác định: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp ghi âm mẫu cần giám định, tiếng nói của người nữ giới tại 03 tệp ghi âm là của Nguyễn Thị Thanh N (tức N1), tiếng nói của người nam giới là của anh Vũ Đình L4. Bản dịch nội dung hội thoại thể hiện:

Nội dung cuộc hội thoại trong tệp ghi âm thứ nhất: L bảo N gọi điện cho anh L4, N dặn anh L4 phải kín đáo không hỏi ai, người ta đã nhận cái gì của mình thì phải làm đúng trách nhiệm chứ không ai lừa đảo.

Nội dung cuộc hội thoại trong tệp ghi âm thứ hai: N nói với anh L4 về việc đã nói chuyện với bà L3 (mẹ anh L4) nên rất thương. Do tài chính không đủ nên chưa xử lý được. Ngà định trả tiền nhưng mọi người vẫn muốn giúp. L cam kết với mọi người như thế nào thì sẽ thực hiện đúng như thế. N vẫn lo cho mọi người khoảng hơn hai chục ngày nữa sẽ về hết hoặc là mười mấy ngày thì tất cả mọi người sẽ ra. Không phải là ra rồi sau này lại vào trong đây, nếu đen nhất là treo.

Nội dung cuộc hội thoại trong tệp ghi âm thứ ba: N nói với anh L4 tiền lo là lo 4 người, nhờ anh L4 nói với vợ T1 viết cho cái đơn, chứ không thể cho 3 người ra còn T1 ở lại. Lối là người nhà T1 bảo nhau làm mỗi cái đơn thôi, không phải nộp tiền để làm căn cứ đi về. Các bác trên này mắng N là người nhà mày vớ vẩn, 03 người về còn T1 ở lại thì nó có ý kiến sẽ ảnh hưởng đến 3 nhà.

Tại Kết luận giám định số 213 ngày 31/10/2022, Phòng K1 Công an tỉnh H xác định: Chữ viết, chữ số, chữ ký đứng tên Lê Thị L tại tờ giấy nhận hiệu Klong ghi tiêu đề nhận tiền đề ngày 07/6/2021 do anh Vũ Đình L4 giao nộp là Lê Thị L.

Tại Kết luận giám định số 213 ngày 31/10/2022, Phòng K1 Công an tỉnh H xác định: Chữ ký, chữ viết tại 01 giấy nhận tiền ghi ngày 22/6/2021 do bị can L giao nộp là của Lê Thị L.

Tại Kết luận giám định số 8478 ngày 06/3/2023, V2 Bộ C5 phục hồi dữ liệu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20S của L tìm thấy tin nhắn văn bản, tin nhắn trong zalo trong phù hợp với nội dung tin nhắn trước đây Cơ quan điều tra kiểm tra trong điện thoại của L có liên quan đến nội dung vụ án, phản ánh nội dung như sau:

Tin nhắn với số điện thoại 0813822222 C Yêu H. Nội từ ngày 03/02/2021 đến 23/12/2021 về việc L trao đổi thông tin của ông L1, Tru, T1 và bà L3 để nhờ N chạy án và được N đồng ý, trao đổi về việc mua quà để chạy án. Những thông tin 04 người làm việc với Cơ quan điều tra Công an tỉnh H. Sau đó những người nhờ chạy án bị bắt tạm giam và sắp hết thời hạn tạm giam, nhờ Ngà báo với các anh hẹn nhiều lần quá rồi mà chưa đúng lần nào nên bọn nó nghĩ L lừa đảo nên bảo N trả lại tiền không họ tố cáo. L dặn N không gọi cho L4 và nhắn số tài khoản của L cho N để chuyển trả 200 triệu đồng cho L để L trả cho nhà ông L1.

Tin nhắn giữa tài khoản Zalo đăng nhập bằng số điện thoại 0945.662.886 tên hiển thị là “Trang Ninh” và tài khoản zalo L lưu số điện thoại 0813.822.222 tên tài khoản “Nhan Ao Cuoi, hiển thị theo tên lưu danh bạ là “C Yeu H. N3” từ ngày 05/01/2021 đến 28/12/2021, nội dung: Ngà nhắn số điện thoại của H1 và báo L mua xì gà xichlo 6 và rượu makallal. N đồng ý giúp họ thoát tù. L thông báo cho N tất cả nội dung làm việc của 04 người tại Công an tỉnh H. Ngà sẽ cố gắng giúp mọi người và đã được cấp cao hơn Giám đốc công an tỉnh H đồng ý giúp. L nhắn thông báo cho N biết việc mình đã nhận tiền của mọi người, N thường xuyên trả lời là họ đã nhận lời chạy án. Trong nội dung tin nhắn có nội dung N nhắn “Có vấn đề trên bàn thờ” thì L nhắn N nhớ cất đi cho L sợ nhà N nhiều khách ra vào, N cố gắng lo giúp để L có cái tiếng. N thường xuyên nhắn tin cho L để L và mọi người yên tâm chờ, không can thiệp thì những người này bị bắt lâu rồi. Đến 30/7/2021, N thông báo cho L là không thể lo trắng án được, đến 26/8/2021 thì thống nhất lo án treo cho 04 người không thì N sẽ trả lại tiền cho L. Ngà nhắn trách L sao lại viết giấy chạy án lo trắng án sau này phức tạp. Sau đó L và N thường xuyên nhắn tin, gọi điện cho nhau, nội dung tin nhắn việc 4 người đã bị bắt, hẹn mỗi nhà 1.200.000.000 đồng thì mới nhận 1.000.000.000 đồng còn thiếu thì lo dồn nốt theo phương án treo còn hủy được thì tăng thêm ít nữa. L gửi cho N hình ảnh L đã nhận của mỗi nhà 1.000.000.000 đồng, nói sẽ thu 1.200.000.000

nhưng mới thu có 1.000.000.000 đồng mọi người bị giam giờ thu thêm người nhà họ bị kích động. L không nói thật tên của N với mọi người mà chỉ nói tên N4 làm trên Hà Nội. Đến 28/9/2021, L nhắn đã chuyển khoản 300.000.000 đồng cho N, còn thiếu 100.000.000 đồng. Đến 29/9/2021, L nhắn N phải trả tiền không sẽ bị đi tù, N nói người ta báo A2 mới hoàn được, N dặn L phải nói thật căng, không thể nói một cái mà hoàn tiền được. Từ 30/9/2021 đến 08/10/2021 L và N liên tục nhắn tin, gọi điện cho nhau, nội dung tin nhắn về việc L thông báo việc bị các nhà trong đó nhà T1 thuê Luật sư Đinh Ngọc P1 và Luật sư Đặng Ngọc K để đòi lại tiền đã đưa cho L. L bảo N gọi cho L4 để trấn an giùm L thì N đồng ý. Sau đó N nhắn với L là đã gọi cho L4 rồi. Ngà thỏa thuận với L sẽ lo tại ngoại và lo án treo cho mọi người do nhà T1 không có đơn nên mới bị kéo dài thời gian, đáng lẽ họ trả lại tiền rồi nhưng không nhận cứ muốn nhờ họ giúp tiếp và N liên tục hứa hẹn với L việc 04 người sẽ được tại ngoại trong thời gian sớm nhất. Khi bị L thúc giục đòi tiền thì N gửi cho L 1 file ghi âm nội dung cuộc nói chuyện giữa N và người đàn ông không biết là ai, người đàn ông này nói việc xin tại ngoại cho 4 người đang gặp khó khăn, cần thời gian để giải quyết nếu không đồng ý lo tại ngoại thì người này sẽ trả lại tiền. Đến 12/12/2021, N nhắn 10 ngày nữa họ thu về trả đợt một 1.000.000.000 đồng. Đến 15/12/2021, N chuyển khoản cho L 800.000.000 đồng và bảo L trả Thuận 300.000.000 đồng thôi còn chia 2 trả nhà L1 100.000.000 đồng. Sau đó còn nhiều tin nhắn L đòi Ngà tiền nhưng N không nhắn lại mà chỉ có các cuộc gọi lại cho L (*Bút lục số 105-106*).

Tìm thấy 274 tệp âm thanh, ghi âm, trong đó có: 24 file ghi âm trong đó bị L giải trình đó là những cuộc nói chuyện giữa L và Nguyễn Thị Thanh N; giữa N và ông Phạm Văn T, giữa N và anh Phạm Văn T1, giữa N và anh Vũ Đình L4 có liên quan đến việc N thỏa thuận chạy án cho mọi người.

Tại Kết luận giám định số 2977 ngày 10/5/2023, V2 Bộ C5 kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 24 file ghi âm mẫu cần giám định. Bản dịch nội dung thể hiện:

File ghi âm ký hiệu A1: Ngà nói chuyện với người tên L4 bảo L4 dò hỏi có phải T1 đánh nhau trong trại và có phải hôm trước vợ T1 vào gặp chồng trong trại. Không xác định được giọng người tên L4 có phải anh Vũ Đình L4 không do thời lượng nói quá ngắn.

File ghi âm ký hiệu A2: L nói với người phụ nữ nội dung L chuyển 3 rồi còn đâu L rút năm rồi và bảo người phụ nữ này ra quây V1 đón L. Không xác định được giọng người phụ nữ kia là của bị can N do thời lượng nói quá ngắn.

File ghi âm ký hiệu A3: N nói với L nội dung rút hết tiền mặt, chuyển sang tài khoản Tech.

File ghi âm ký hiệu A4: L thông báo cho N nội dung 04 người làm việc với cơ quan điều tra. N nói việc ăn trộm ăn cắp người ta không muốn giúp nhưng N sẽ cố gắng nói để họ giúp cho 4 người.

File ghi âm ký hiệu A5: N nói với L trên này N đã nhờ chỗ to lắm rồi, vì có yếu tố nước ngoài nên phải chờ.

File ghi âm ký hiệu A6: Lan nhờ Ngà để ý, không chế hộ vì ngày mai Công an tỉnh H gọi 04 người lên làm việc, N bảo L đi cùng mọi người.

File ghi âm ký hiệu A7: L bảo N thuốc hôm trước H1 nói hết, N bảo L cứ lấy loại thuốc bằng tiền loại đó, không họ không có tiền lại đi mua đắt hơn khổ thân họ.

File ghi âm ký hiệu A8: Ngà nói với L hôm qua trên đó N mới đi được một nơi, còn dưới kia họ hẹn phải thứ 3, phải đi 2-3 chỗ. Ngà nói có thông tin 4 người kia nhờ rất nhiều người rồi, nếu một mối lo thì người ta mới dám nhận.

File ghi âm ký hiệu A9: N bảo L đưa máy cho N nói chuyện với ông T. N nói với ông T mình đang công tác trên Hà Nội, nó khởi tố mình 5 tỷ 7 chứ không phải 02 tỷ như L nói. Hôm qua N phải làm việc với Sở di trú và cục quản lý người nước ngoài, nó đã đệ đơn lên Đại sứ quán và đã gửi công văn lên tỉnh rồi nên phải gỡ từng việc một. Bây giờ đã điều tra 70% rồi còn 30% sẽ rất nhanh, sang tuần không lo nhanh là nó sẽ khởi tố vụ án và bắt tạm giam, truy tố khoản 4 sẽ rất nặng, vì L nói với N mọi người là người nhà nên N sẽ giúp nhưng phải yên lặng để người ta lo chứ cuống lên là không được. Thằng này nó không giải quyết được phải thằng trên nữa vì liên quan đến người nước ngoài. Đáng lẽ nay mời họ đi ăn cơm nhưng không chỗ nào bán nên phải đến nhà người ta, rồi nhờ trên đấy, nhờ ông to thôi để ông ấy điều khiển xuống, chứ đi nhiều chỗ tốn tiền. Ngày hôm nay N sẽ làm việc với 02 nơi, nếu trên này ok thì ngày mai thứ 2 họ sẽ làm việc với tỉnh, rồi như thế nào họ sẽ báo. Nhưng không được đả động đến vấn đề bồi thường, khắc phục hậu quả, để N làm việc giúp cho không phải trả, chứ bồi thường thế lấy tiền đâu mà lo. Không phải mình đưa tiền là họ rút đơn đâu, để N giúp cho được việc mà không tốn tiền, mọi người phải yên lặng, đã gặp N rồi thì mọi người không phải lo, công an có hỏi thì cứ bảo không lo, bây giờ nhà nước xử đến đâu tôi chịu đến đấy nhưng không được nói nhờ ai. Sau đó N nói chuyện tiếp với một người nam (không xác định được đó là Phạm Văn T1 hay không do mẫu tiếng nói có chất lượng kém và mẫu so sánh không phù hợp) nội dung hôm qua N gọi cho thằng em cục trưởng mới xác định được mọi người trộm 17 lần = 5.700.000.000 đồng, bên kia đang làm đơn kêu cứu đến Chính phủ Việt Nam, lấy 1-2 lần nó khác đây 17 lần. Ngà sẽ nhờ mọi người trên này giúp chứ đừng đi hỏi ai, N sẽ nhờ để không phải bồi thường. Thằng C1 chỉ là thằng đi làm không có quyền quyết định, phải lo từ trên xuống dưới, từ trung ương đến địa phương mới xong vì có yếu tố nước ngoài. N nói với người này mình quê Hải Dương nên nói là người nhà người ta mới tin. Không nó bắt truy tố khoản 4, ngồi trong ấy là chết, không lo được. Sau đó N với L phải giữ uy tín cho N vì N đã nhờ người ta rồi.

File ghi âm ký hiệu A11: L nói với N mình không biết gì, tù mù bảo mọi người cứ chuẩn bị sẵn tiền nhiều trong nhà, khi gọi cái là có ngay.

File ghi âm ký hiệu A12: N bảo L nhấn tên của 04 người phải cam kết chứ người ta đang làm rồi xong dở chừng thì chết, nó rơi vào khoản ấy không lo thì không bao giờ nhìn thấy mặt trời. L bảo N áng tầm tiền hộ thì N nói phí thì chắc chắn là phải có rồi nhưng thấp nhất, phải đi lo mấy chỗ, để người ta xem người ta nhận lời đã nên cứ lo tiền đi. Bồi thường Công ty không giải quyết được gì nên

để nguyên. N phải gọi cho trưởng công an phường ở dưới H xong lại kết hợp cả với trên bộ này gọi về nữa.

File ghi âm ký hiệu A13: N nói với L đang ngồi với thằng cháu hình sự, có gì N sẽ nhắn lại.

File ghi âm ký hiệu A14: Ngà nói với ông T việc họ truy tố mọi người ở khoản 4 với số tiền 5,3 tỷ lên đến chung thân, ông T là người thực hiện việc đó. Ông T ủy quyền để N cho người đi đàm phán với Công ty họ, nhắn cho N số điện thoại của C1 điều tra viên để N làm việc cho rõ. Ông T nhờ N và L giúp mình.

File ghi âm ký hiệu A15: Ngà nói chuyện với L về việc 4 người trộm cắp hơn 5 tỷ chứ không phải 2 tỷ như L nói.

File ghi âm ký hiệu A16: L nói với N có 4 người (03 bảo vệ và 01 tiêu thụ) nhờ L và N lo cho họ. N bảo L để N cho người xuống làm việc trên Công an tỉnh và cả với Công ty nữa. N đã gọi điện xuống đây và được rồi, ông C2 Giám đốc Công an tỉnh chơi với N nhưng đưa xuống chỗ ấy thì tốn tiền.

File ghi âm ký hiệu A17: Lan nhờ N xử lý giúp cho ông L1 là anh rể của L và 02 ông bảo vệ trong vụ trộm cắp linh kiện lắp ráp xe nâng khoảng 02 tỷ của Công ty H3 ở huyện C được trắng án, đương nhiên là mất tiền nhưng ông L1 sẽ rút đi một tí còn 2 ông kia gánh hộ.

File ghi âm ký hiệu A19: Ngà nói với L, người Ngà nhờ giúp nói các chỗ chưa sắp xếp được tiền, người ta không thích thì nên nó trả lại tiền, chỉ có rữ tù. Nếu không thì L cứ gửi ghi âm cho mà nghe.

File ghi âm ký hiệu A20: L nói với N nội dung mình chuyển trên tài khoản cho N nhưng mỗi lần được 50 triệu, vượt quá giới hạn giờ không cho chuyển nữa, xuống ngân hàng thì lại hết giờ.

File ghi âm ký hiệu A21: L nói với N nội dung thằng L4 giờ đi xuống nhà ông T lấy tiền xong về L sẽ chuyển cho N. N bảo cứ chuyển vào tài khoản của L xong L chuyển cho N.

File ghi âm ký hiệu A22: Ngà nói với L không nghe điện thoại của các gia đình vì họ sẽ ghi âm.

File ghi âm ký hiệu A23: N nói với L, mỗi người N lấy đúng 1,3 tỷ, nhà T1 đã đưa 1,2 tỷ rồi thì lấy thêm 100 nữa. N bảo L viết giấy nhận tiền chứ không được viết lo chạy án, không là đi tù đấy. Ngà hướng dẫn L viết giấy nhận 1,2 tỷ để lo công việc, cam kết trong 02 tháng là xong việc. Chỗ nhà ông T, bà L3 thì L đã nhận 01 tỷ thì L bảo nhận thêm 400.

File ghi âm ký hiệu A24: L bảo đưa cho N hôm đầu L chưa chốt số tiền với N, T1 là người nặng nhất nên bảo T1 phải lo từ 1,2-1,3 tỷ, thực tế hôm đó L nhận của mỗi nhà 01 tỷ, của ông L1 là 500 tức là thành 03 tỷ rưỡi L chuyển tiền cho N chứ thực tế chưa nhận được 200 của nhà T1. Chốt hạ với N là ông L1 500, 03 nhà kia mỗi nhà 01 tỷ đồng.

Đối với các File ghi âm ký hiệu A10, A18: L nói với người phụ nữ này là quà cáp là xong rồi. Lời gọi điện nói các gia đình không nhờ nữa, cho xin lại tiền, người này nhấn nói để báo lại (không xác định được có tiếng nói của Nguyễn Thị Thanh N trong các file này hay không do thời lượng nói của người cần giám định quá ngắn).

Tại Kết luận giám định số 213 ngày 31/10/2022, Phòng K1 Bộ C5; Kết luận giám định số 8594 ngày 28/02/2023, Văn bản số 443 ngày 28/02/2023, Văn bản số 1165 ngày 10/5/2023 của V2 Bộ C5, xác định: Chữ ký đứng tên Lê Thị L tại 02 giấy nhận tiền ghi ngày 22/6/2021 và 28/9/2021 là của Lê Thị L; Các chữ số “2021” dòng chữ viết thứ 4 tính từ trên xuống, “3.000.000.000” dòng chữ viết thứ 5 tính từ trên xuống tại giấy nhận tiền ghi ngày 22/6/2021; các chữ số “2021” dòng chữ viết thứ 4 tính từ trên xuống, “300.000.000” dòng chữ viết thứ 5 tính từ trên xuống tại giấy nhận tiền ghi ngày 28/9/2021 là của Lê Thị L viết ra; Các chữ số “22” và “6” dòng chữ viết thứ 4 tính từ trên xuống và các chữ “Người làm chứng” tại giấy nhận tiền ghi ngày 22/6/2021; các chữ số “28” và “9” dòng chữ viết thứ 4 tính từ trên xuống tại giấy nhận tiền ghi ngày 28/9/2021 là của Nguyễn Thị Thanh N (tức N1) viết ra. Quá trình giám định phát hiện các chữ số này được viết thêm; Chữ ký, chữ viết đứng tên Lương Thị Ngọc L5 trên 02 giấy nhận tiền ghi ngày 22/6/2021 và 28/9/2021; các chữ “Người làm chứng” tại giấy nhận tiền ghi ngày 28/9/2021 không phải của Nguyễn Thị Thanh N (tức N1); Không đủ cơ sở kết luận màu mực phần chữ số ghi tại mục “Ngày, tháng, năm” có cùng với màu mực tại phần nội dung khác trên 02 giấy nhận tiền ghi ngày 22/6/2021 và 28/9/2021 hay không; các chữ số, chữ viết còn lại là của Lê Thị L.

Tại Cáo trạng số: 35/CT-VKS-P1 ngày 19/5/2023, Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị Thanh N (tức N1) về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48; điểm b (thêm điểm s đối với bị cáo L) khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo L, N.

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị Thanh N (tên gọi khác Nguyễn Thị Thanh N1) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/5/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N (tên gọi khác Nguyễn Thị Thanh N1) 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/9/2023, bị cáo Nguyễn Thị Thanh N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/10/2023, bị cáo Lê Thị L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Lê Thị L giữ nguyên kháng cáo, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp lại toàn bộ số tiền chiếm hưởng riêng và một phần trong tổng số tiền chiếm đoạt cho bị hại; gia đình bị cáo có công với cách mạng, hiện hoàn cảnh rất khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt, tuy nhiên, bị cáo thay đổi quan điểm đã trình bày trong đơn kháng cáo cho rằng không bàn bạc, thỏa thuận và cam kết gì với ai về việc “chạy án”, số tiền bị cáo Lê Thị L chuyển cho bị cáo là tiền đặt cọc mua đất, khi không thực hiện được giao dịch, bị cáo đã hoàn trả lại đầy đủ có giấy tờ xác nhận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã quy kết, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khách quan, toàn diện vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị Thanh N đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm quy kết; căn cứ kết quả điều tra, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, các kết luận giám định cùng kết quả thu thập tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để xác định các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị Thanh N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và không oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị L giao nộp tài liệu mới thể hiện ông Lê Xuân P là bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và được hưởng các chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến; bản thân bị cáo được Bộ tư pháp tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tư pháp và Biên lai nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; ngoài ra, bị cáo còn được đại diện người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải và giao nộp tài liệu thể hiện đã nộp lại số tiền 50.000.000 đồng bồi thường, khắc phục hậu quả; bản thân bị cáo cũng được tặng thưởng bằng khen của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Giang. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo, từ đó giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo từ 18-24 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị L trình bày: Bị cáo Lê Thị L sau khi phạm tội đã thực sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tích cực bồi thường trách nhiệm dân sự thay cho cả phần của bị cáo N, nay cung cấp thêm Kỷ niệm chương của Bộ tư pháp, bà L2 là vợ ông L1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng huy chương, bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm; Hiện bị cáo phải thế chấp nhà để có tiền khắc phục hậu quả cho bị hại, gia đình hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già; Do thiếu hiểu biết pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Người bào chữa nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, áp dụng pháp luật và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo bị truy tố, xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo N phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, tại phiên tòa phúc thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống mức án tương đương với mức án của bị cáo L là người khởi xướng.

Căn cứ các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của luật sư, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đối với các bị cáo, các Cơ quan và người tiến hành tố tụng các cấp đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thẩm quyền xét xử vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự; xác định đúng, đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng theo quy định của luật tố tụng. Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị L thừa nhận hành vi mặc dù bản thân không có khả năng tác động đến các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đang có thẩm quyền xem xét, xử lý hành vi vi phạm pháp luật hình sự của các bị hại, nhưng bị cáo vẫn có lời nói gian dối, nhiều lần chiếm đoạt của bị hại là 4.400.000.000 đồng và nhiều lần chuyển cho bị cáo N với tổng số tiền là 3.950.500.000 đồng, bản thân bị cáo L giữ lại 449.500.000 đồng để sử dụng riêng; Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết, bị cáo thừa nhận có cam kết, liên hệ về việc “Chạy án” cho các bị hại; bị cáo có nhận tiền từ L để lo cho các bị hại, không liên quan đến việc đặt cọc mua bán đất. Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị Thanh N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người chứng kiến;

phù hợp với các giấy biên nhận tiền, Biên lai chuyển tiền, giấy vay tiền, các dữ liệu điện tử như tin nhắn zalo, tin nhắn điện thoại, các file ghi âm, dữ liệu cuộc gọi; phù hợp với các Kết luận giám định số 34 ngày 25/3/2022, số 213 ngày 31/10/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh H; các Kết luận giám định số 7461 ngày 01/3/2023, số 8478 ngày 06/3/2023, số 2977 ngày 10/5/2023, số 8594 ngày 28/02/2023, Văn bản số 443 ngày 28/02/2023, Văn bản số 1165 ngày 10/5/2023 của V2 Bộ C5, Kết luận giám định số 213 ngày 31/10/2022 của Phòng K1 Bộ C5 cùng các vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án hoàn toàn khách quan, được thu thập hợp pháp, đủ cơ sở kết luận: Phạm Thị L6 và Nguyễn Thị Thanh N (tức N1) đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối đối với các bị hại và những người thân của bị hại về việc L6, N có thể tác động đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để lo cho bị hại không bị xử lý về hình sự, được hưởng án treo; thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn khác; áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất đối với các bị hại, mục đích để chiếm đoạt tiền của các bị hại.

[3] Các bị cáo thừa nhận về việc giao nhận tiền với các bị hại và giữa các bị cáo với nhau, cụ thể như sau:

- Bị cáo N đã 02 lần nhận tiền của bị cáo L6 thông qua bị hại H1 chuyển khoản cho bị cáo vào các ngày 05/6/2021, ngày 08/6/2021 để mua quà biếu (rượu tây, xì gà) lo công việc cho bị hại với tổng số tiền là 150.500.000 đồng.

- Bị cáo L6 chuyển khoản cho N số tiền 3.000.000.000 đồng vào ngày 21/6/2021 để lo “chạy án” cho các bị hại; mặc dù được L6 viết Giấy biên nhận đã nhận số tiền 03 tỷ đồng nhưng trên thực tế, bị cáo N vẫn chưa trả lại cho L6 số tiền 03 tỷ đồng, số tiền này không phải là tiền mua đất chung giữa các bị cáo.

- Sau khi rút tiền mặt từ Ngân hàng vào ngày 21/6/2021, bị cáo L6 đã mang số tiền 500.000.000 đồng đến nhà N với mục đích đưa cho N để lo công việc cho bị hại, L6 đã đặt số tiền này trên diện thờ nhà N.

- Bị cáo L6 chuyển khoản cho bị cáo N vào ngày 27/9/2021 số tiền 300.000.000 đồng để lo công việc cho bị hại; không phải là tiền do L6 và N đổi tiền mặt, sau đó chuyển khoản trả lại cho nhau.

[4]. Từ những phân tích, nhận định tại mục [2] và [3], Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy đủ cơ sở xác định: Từ tháng 5/2021 đến 27/9/2021, các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị Thanh N đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối đối với các bị hại và những người thân của bị hại về việc L, N có thể tác động đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để lo cho bị hại không bị xử lý về hình sự, được hưởng án treo; thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn khác; áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất đối với các bị hại để nhiều lần chiếm đoạt của bị hại tổng số tiền là 4.400.000.000 đồng, trong đó L đã chuyển cho N nhiều lần tổng số tiền 3.950.500.000 đồng, L giữ lại 449.500.000 đồng để chi tiêu riêng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị Thanh N về tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[5] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, có giá trị rất lớn. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo L là người trực tiếp thỏa thuận, nhận số tiền 4.400.000.000 đồng của các bị hại nên phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền 4.400.000.000 đồng, sau khi nhận tiền đã đưa cho bị cáo N là 3.950.500.000 đồng, bị cáo còn được hưởng lợi là 449.500.000 đồng nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất; bị cáo N đồng phạm với L, trong vụ án là người thực hành tích cực và phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền đã chiếm đoạt của bị hại để hưởng lợi là 3.950.500.000 đồng, giữ vai trò sau bị cáo L. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, phân hóa, xem xét tính chất, vị trí, vai trò mức độ tham gia của các bị cáo trong vụ án, trên cơ sở các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo đã xử phạt các bị cáo mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Mặc dù các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Lê Thị L luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã hưởng lợi và một phần tiền bồi thường cho bị hại thay cho nghĩa vụ của bị cáo N; gia đình bị cáo có công với cách mạng, bố đẻ bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và được hưởng các chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến; quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích, được Bộ tư pháp tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Tư pháp; bị cáo còn tiếp tục được đại diện người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt; bị cáo đã nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm thể hiện ý thức chấp hành bản án sơ thẩm, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh N mặc dù trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều kêu oan, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã quy kết, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo tích cực tham gia phong trào phòng chống dịch Covid19 được Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh B tặng thưởng bằng khen; bên cạnh đó, ngoài việc bị cáo được Tòa án cấp sơ thẩm đối trừ số tiền 800.000.000 đồng vào trách nhiệm dân sự của bị cáo, bị cáo còn tiếp tục xuất trình Biên lai nộp lại số tiền 50.000.000 đồng bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện vụ án, thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cùng ý

thức bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại, hậu quả của vụ án một phần đã được khắc phục thì có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giúp các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội; tuy nhiên, mức hình phạt của các bị cáo vẫn cần căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo trong vụ án nhằm phân hóa vai trò, cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng bị cáo, phòng ngừa chung tội phạm, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, kiên quyết đấu tranh phòng chống các loại tội phạm liên quan đến lừa đảo đang diễn ra ngày một nhiều và phức tạp trên địa bàn cả nước trong tình hình hiện nay.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị Thanh N (tên gọi khác: Nguyễn Thị Thanh N1); sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị Thanh N (tên gọi khác Nguyễn Thị Thanh N1) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị L 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/5/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N (tên gọi khác Nguyễn Thị Thanh N1) 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị Thanh N (tên gọi khác Nguyễn Thị Thanh N1) đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại số tiền 50.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000533 ngày 29/01/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Ghi nhận bị cáo Lê Thị L đã nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000522 ngày 15/01/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Hải Dương. Xác nhận bị cáo Lê Thị L đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về án phí: Các bị cáo Lê Thị L, Nguyễn Thị Thanh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo (qua TTG);
- Lưu: P. HCTP-VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm